BÀI 7. CÔNG NGHIỆP

*(Thời gian thực hiện dự kiến: 02 tiết)*

I. MỤC TIÊU.

1. Kiến thức.

* Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.
* Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu.
* Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.

2. Năng lực.

* Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: tự thực hiện các nhiệm vụ học tập trên lớp và ở nhà.

+ Giao tiếp và hợp tác: hợp tác với bạn trong thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua việc vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế, giải thích tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.

* Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: mô tả được đặc điểm phân bố của các ngành công nghiệp Việt Nam; đánh giá được tác động của các điều kiện đến sự phát triển các ngành công nghiệp nước ta.

+ Tìm hiểu địa lí: sử dụng được bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ phân tích sự phát triển và phân bố công nghiệp; khai thác internet phục vụ môn học.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật tri thức, số liệu về ngành công nghiệp, liên hệ thực tế địa phương để làm sâu sắc hơn kiến thức bài học.

2. Phẩm chất.

* Tích cực ủng hộ chính sách phát triển công nghiệp của Nhà nước và ở địa phương.
* Có ý thức học tập và hành động để tham gia bảo vệ môi trường và phát triển công nghiệp xanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Giáo viên.

* Máy vi tính, máy chiếu hoặc smart tivi, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
* Bản đồ phân bố công nghiệp Việt Nam.
* Bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, video,... có liên quan đến nội dung.
* Phiếu học tập.
* SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS).

2. Học sinh

SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động 1. Hoạt động mở đầu

*a) Mục tiêu.*

* Gợi mở nội dung bài học mới.
* Khơi gợi hứng thú học tập cho HS.

*b) Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV sử dụng một số dụng cụ học tập, thiết bị trong lớp học và đặt câu hỏi cho HS: *Đây là sản phẩm của ngành kinh tế nào? Những ngành kinh tế đó đang phát triển ra sao?*
* Bước 2: HS quan sát kĩ đồ vật, xác định là sản phẩm của ngành công nghiệp nào.
* Bước 3: HS trả lời.
* Bước 4: Từ câu trả lời của HS, GV dẫn vào bài.

2. Hoạt động 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

***2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.***

*a) Mục tiêu*

Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp Việt Nam.

*b) Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, làm việc theo cặp đôi thực hiện nhiệm vụ: *Hệ thống hoá đặc điểm và vai trò của các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta.*
* Bước 2: HS tìm hiểu thông tin, lựa chọn dạng biểu đồ phù hợp, viết ra nháp.
* Bước 3: Một số HS trình bày sản phẩm. Các HS khác bổ sung, góp ý thêm.
* Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức (bằng bảng hoặc sơ đồ).

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

| **Nhân tố** | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** |
| --- | --- | --- |
| Vị trí địa lí | Nước ta nằm ở khu vực phát triển năng động trên thế giới. | Thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển công nghiệp. |
| Khoáng sản | - Khoáng sản đa dạng, trong đó một số loại có trữ lượng lớn.  - Phần lớn các mỏ khoáng sản nước ta có quy mô nhỏ, phân bố không tập trung, nhiều loại có nguy cơ cạn kiệt. | - Là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng, sản xuất kim loại,...  - Chi phí khai thác cao. |
| Nguồn nước | - Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nguồn nước ngầm dồi dào.  - Sông chảy qua địa hình dốc nên có trữ năng thuỷ điện lớn.  - Nhiều mỏ nước khoáng có trữ lượng lớn. | - Cung cấp nước cho các ngành công nghiệp.  - Phát triển thuỷ điện.  - Phát triển ngành công nghiệp sản xuất đồ uống. |
| Sinh vật | Nguồn tài nguyên sinh vật phong phú, đa dạng, nhiều loài có giá trị kinh tế và giá trị dược liệu cao; nguồn hải sản dồi dào. | Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, dược phẩm. |
| Khí hậu | - Khí hậu nhiệt đới ẩm.  - Số giờ nắng cao, lượng bức xạ lớn, gió quanh năm. | - Phát triển nông nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp; phát triển điện gió, điện mặt trời.  - Chi phí làm mát, bảo quản máy móc,... |
| Dân cư và lao động | - Dân số đông.  - Lực lượng lao động dồi dào, trình độ người lao động ngày càng được nâng lên. | - Tạo thị trường tiêu thụ lớn.  - Tiếp thu và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất. |
| Chính sách | Nhà nước ban hành nhiều các chính sách công nghiệp. | Tạo môi trường thuận lợi cho phát triển và phân bố hợp lí các ngành công nghiệp. |
| Thị trường | Thị trường trong nước và quốc tế ngày càng được mở rộng. | - Góp phần mở rộng, nâng cao sản lượng các ngành công nghiệp.  - Thị trường ngày càng cạnh tranh. |
| Khoa học công nghệ, vốn và cơ sở vật chất kĩ thuật | - Nước ta tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến vào sản xuất.  - Cơ sở vật chất kĩ thuật được đầu tư phát triển hiện đại. Tuy nhiên, ở một số ngành đã lạc hậu,...  - Vốn đầu tư cho công nghiệp ngày càng tăng. | Góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị của các sản phẩm công nghiệp. |

***2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố các ngành công nghiệp Việt Nam***

1. *Mục tiêu*

Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu.

1. *Tổ chức thực hiện*

Sử dụng hoạt động trải nghiệm trong lớp học:

* Bước 1:

+ GV đưa ra tình huống: Lớp sẽ tổ chức Hội chợ triển lãm thành tựu công nghiệp Việt Nam. GV giao nhiệm vụ: *Các nhóm chuẩn bị sản phẩm của 1 ngành công nghiệp và những thông tin cơ bản về ngành công nghiệp đó.*

+ GV chia nhóm theo chủ định, đảm bảo trình độ HS giữa các nhóm tương đương nhau.

Nhóm 1: Tìm hiểu về ngành công nghiệp khai khoáng.

Nhóm 2: Tìm hiểu về ngành công nghiệp sản xuất điện.

Nhóm 3: Tìm hiểu về ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm.

Nhóm 4: Tìm hiểu về ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính.

Nhóm 5: Tìm hiểu về ngành công nghiệp dệt và sản xuất trang phục; sản xuất giày, dép.

Mỗi ngành công nghiệp, HS tìm hiểu theo cấu trúc: vai trò, hiện trạng sản xuất, phân bố. Bài tìm hiểu được viết ra giấy. Mỗi HS đều phải có bài viết của cá nhân.

+ GV yêu cầu HS chuẩn bị từ nhà và mang đến lớp các sản phẩm của các ngành công nghiệp (nếu không có sản phẩm thì HS chuẩn bị hình ảnh).

* Bước 2:

+ HS ghi ra giấy nháp nội dung tìm hiểu của mình. Sau đó, các thành viên trong nhóm thảo luận và thống nhất nội dung của nhóm. Cả nhóm hoàn thành phần nội dung.

+ HS chuẩn bị sản phẩm hoặc ảnh về sản phẩm công nghiệp.

* Bước 3: GV tổ chức báo cáo giống như buổi triển lãm công nghiệp Việt Nam.

+ GV sắp xếp thành các gian hàng trưng bày sản phẩm của mỗi nhóm.

+ Mỗi gian hàng có 1 HS đứng giới thiệu về ngành công nghiệp của nhóm tìm hiểu (thành viên của nhóm luân phiên đứng tại gian hàng). Các HS khác lần lượt đi đến các gian hàng ghi chép thông tin tìm hiểu được và gắn sao hoặc chấm điểm cho nhóm báo cáo.

* Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung của mỗi nhóm.

SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

| **Ngành** | **Vai trò** | **Hiện trạng** | **Phân bố** |
| --- | --- | --- | --- |
| Công nghiệp khai khoáng | Đóng góp vào giá trị sản xuất ngành công nghiệp | - Sản lượng khai thác biến động.  - Đang áp dụng nhiều công nghệ mới trong sản xuất. | Than: Quảng Ninh, dầu thô và khí tự nhiên: thềm lục địa phía Nam, ti-tan: Duyên hải Nam Trung  Bộ,... |
| Công nghiệp sản xuất  điện | - Phát triển kinh tế đất nước.  - Nâng cao đời sống nhân dân. | - Sản lượng điện tăng.  - Áp dụng khoa học công nghệ hiện đại, phát triển nguồn điện, vận hành và quản lí hệ thống lưới điện thông minh.   * Cơ cấu sản lượng điện đa dạng, tăng tỉ trọng điện gió, điện mặt trời và các loại điện tái tạo khác. | - Thuỷ điện tập trung chủ yếu ở khu vực miền núi.  - Nhiệt điện phân bố khắp cả nước.   * Điện gió và điện mặt trời tập trung chủ yếu ở Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. |
| Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm | Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp. | - Sản lượng các sản phẩm ngày càng tăng.  - Áp dụng công nghệ mới: đông khô, sấy khô, sấy lạnh, công nghệ sinh học. | Phân bố rộng khắp cả nước, phát triển mạnh ở các đô thị như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng,... |
| Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính | - Vai trò ngày  càng quan  trọng.  - Tỉ trọng trong giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng. | - Sản lượng các sản phẩm tăng nhanh, cơ cấu ngành đa dạng.   * Ngành có hàm lượng công nghệ cao, áp dụng nhiều công nghệ hiện đại: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hoá. | Tập trung ở những nơi có nguồn lao động trẻ, có trình độ như vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng. |
| Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục; sản xuất giày, dép | Là ngành sản xuất tiêu dùng quan trọng của đất nước. | - Sản lượng sản phẩm của ngành tăng nhanh.  - Sản phẩm của ngành là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta.  - Đang áp dụng công nghệ hiện đại: tự động hoá, in 3D, trí tuệ nhân tạo vào sản xuất. | Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng,... |

***2.3. Nội dung 3: Tìm hiểu vấn đề phát triển công nghiệp xanh.***

1. *Mục tiêu.*

Giải thích tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.

1. *Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV đưa ra mô hình sản xuất công nghiệp xanh (mô tả bằng lời hoặc hình ảnh) và yêu cầu HS phân tích ý nghĩa của việc phát triển công nghiệp theo hướng đó?
* Bước 2: HS quan sát hình ảnh hoặc nghe mô tả, viết ra giấy những ý nghĩa của việc phát triển công nghiệp theo mô hình trên.
* Bước 3: HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung. Nếu câu trả lời của HS khác nhau nhiều, GV có thể tổ chức cho HS thảo luận cả lớp.
* Bước 4: GV đánh giá và tổng kết.

|  |
| --- |
| - Khái niệm: Công nghiệp xanh là nền công nghiệp thân thiện với môi trường, sản xuất ra các sản phẩm thân thiện với môi trường và giúp cho các điều kiện tự nhiên của môi trường tốt hơn.  - Ý nghĩa:  + Giảm thiểu chất thải công nghiệp.  + Tạo ra sản phẩm công nghiệp chất lượng cao.  + Tiết kiệm chi phí đầu vào, nhiên liệu, nguyên liệu và năng lượng.  - Ví dụ: điện mặt trời, công nghiệp xử lí nước thải,... |

Hoạt động 3. Hoạt động luyện tập.

*a) Mục tiêu.*

Rèn luyện kĩ năng phân tích, nhận xét bảng số liệu.

*b) Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc trên lớp, hoàn thành phần luyện tập.

+ Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các nhân tố ảnh hướng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta.

+ Dựa vào bảng 7.3, nhận xét sự thay đổi về sản lượng một số sản phẩm của ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta.

* Bước 2: HS làm việc cá nhân, trình bày vào vở.
* Bước 3: Các cặp HS trao đổi bài, góp ý cho nhau
* Bước 4: GV đánh giá và tổng kết.

|  |
| --- |
| - Sơ đồ tư duy thể hiện các nhân tố tự nhiên và kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta.  - Nhận xét: Nhìn chung, sản phẩm của ngành trong giai đoạn 2010 - 2021 đều tăng, phản ánh vai trò và sự phát triển của ngành này ở nước ta. |

4. Hoạt động 4. Hoạt động vận dụng.

*a) Mục tiêu.*

Liên hệ được kiến thức đã học để tìm hiểu, giải quyết vấn đề thực tế liên quan đến phát triển công nghiệp xanh ở Việt Nam.

*b) Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HS tham khảo.
* Bước 2: HS thu thập thông tin, hình ảnh và thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: HS nộp bài trên Padlet hoặc Google drive.
* Bước 4: GV góp ý.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG.

**Câu 1.** Chọn từ ngữ thích hợp điền vào bảng sau để thể hiện vai trò của các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân tố** | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** |
| Dân cư, lao động |  |  |
| Chính sách |  |  |
| Thị trường |  |  |
| Khoa học công nghệ, vốn |  |  |

**Câu 2.** Dựa vào bảng 7.2. Sản lượng một số sản phẩm của ngành công nghiệp sản xuất,

chế biến thực phẩm ở nước ta giai đoạn 2010 - 2021, hãy:

a) Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng các sản phẩm từ năm 2010 đến 2021:

b) Nhận xét tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm của ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm ở nước ta giai đoạn 2010 - 2021:

**Câu 3.** Dựa vào hình 7.1. Bản đồ phân bố công nghiệp Việt Nam năm 2021, hãy nhận xét:

a) Sự phân bố công nghiệp Việt Nam:

b) Sự phân bố ngành sản xuất, chế biến thực phẩm:

c) Sự phân bố các nhà máy thuỷ điện:

d) Cơ cấu ngành của các trung tâm công nghiệp lớn và rất lớn:

\*\*\*